TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mạnh Biện

2. Bà Vũ Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm2020 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn Tr, sinh năm 1992 (Vắng mặt có đơn)

Hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn Tr trình bày:

Anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã B, tỉnh Bình Phước vào ngày 02/5/2018. Vợ chồng sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi nhau. Vợ chồng không sống chung từ tháng 06/2019 cho đến nay. Anh Phan Văn Tr làm đơn ly hôn với chị Nguyễn Thị Q.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc U, sinh ngày: 29/8/2018. Sau khi ly hôn anh Phan Văn Tr đồng ý để con chung cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Phan Văn Tr tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi nhau, vợ chồng không sống chung từ tháng 6/2019 cho đến nay. Anh Phan Văn Tr nộp đơn ly hôn, chị Nguyễn Thị Q đồng ý ly hôn với anh Phan Văn Tr.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc U, sinh ngày: 29/8/2018. Hiện nay con tên Uyên đang sống với chị Q. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Q xin được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Phan Văn Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phan Văn Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phan Văn Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Q. Chị Nguyễn Thị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: Tổ 7, ấp T, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Tòa án xét xử dựa vào chứng cứ, không tiến hành thu thập chứng cứ gì thêm nên xét xử không có đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phan Văn Tr có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn năm 2019, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau, vợ chồng không sống chung từ tháng 6/2019 cho đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, việc chấm dứt tình trạng hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của anh Trường, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Tr và chị Q.

[3] Về con chung: Anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc U, sinh ngày: 29/8/2018. Chị Nguyễn Thị Q có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành, tự lao động được. Anh Phan Văn Tr đồng ý để con cho chị Q nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh Phan Văn Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phan Văn Tr phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Văn Tr. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Tr và chị Nguyễn Thị Q.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc giao con chung tên Phạm Thị Ngọc U, sinh ngày: 29/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, tự lao động được. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Nghiêm cấm hành vi cản trở việc thăm nom con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phan Văn Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004915 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung **Phạm Mạnh Biện** **Nguyễn Thành Đức**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Thị Dung	**Phạm Mạnh Biện**	**Nguyễn Thành Đức**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Thanh Bình, Hớn Quản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Giới **Điểu Hải** **Nguyễn Thành Đức**